

Số: 1114/QĐ-UBND

An Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 62/TTr-SKHĐT, ngày 05/4/2017 về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến 2030 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, của tỉnh An Giang;

Phát triển kinh tế - xã hội Tịnh Biên đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các địa phương trong tỉnh, với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Phát triển Tịnh Biên thành thị xã có nền kinh tế phát triển năng động với cơ cấu kinh tế hợp lý, lấy phát triển thương mại - du lịch làm động lực cho sự phát triển; ngoài ra, chú trọng phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại hóa. Bên cạnh đó, nông nghiệp vẫn là thế mạnh của huyện và còn nhiều tiềm năng phát triển, ít nhất là trong 5-10 năm tới.

Xây dựng Tịnh Biên thành vùng động lực, đầu mối giao thương của khu vực biên giới Tây Nam của tỉnh An Giang nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung dựa trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng dần đến tăng trưởng xanh; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; thường xuyên ứng dụng trình độ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất.

Phát triển kinh tế phải gắn với quốc phòng, an ninh. Vận dụng tối đa cơ chế chính sách nhằm khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, thế mạnh của địa phương để phát triển và hạn chế tác động tiêu cực.

Gắn phát triển kinh tế với phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới. Phát triển kinh tế phải đi đôi với vấn đề duy trì đời sống văn hóa tinh thần, cũng như xây dựng kỷ cương và văn minh đô thị.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu

Lấy dịch vụ, thương mại và du lịch là khâu đột phá để tác động thúc đẩy và là nguồn lực quyết định phát triển nền kinh tế, trong đó kinh tế biên giới và khu du lịch Núi Cấm là điểm nhấn.

Tập trung huy động các nguồn lực, khai thác đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Đô thị hóa phát triển theo trục, lấy đô thị Tịnh Biên là đô thị trung tâm tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho tất cả các vùng ven (trọng tâm là trục Quốc lộ 91, tỉnh lộ 948,...).

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Tiếp tục cải cách hành chính, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

+ Theo giá hiện hành: năm 2020 đạt 4.044 tỷ đồng; năm 2025 đạt 6.110 tỷ đồng và năm 2030 đạt 9.150 tỷ đồng.

+ Theo giá so sánh 2010: năm 2020 đạt 2.953 tỷ đồng; năm 2025 đạt 3.990 tỷ đồng và năm 2030 đạt 5.530 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Công nghiệp – Xây dựng:

+ Theo giá hiện hành: năm 2020 đạt 2.637 tỷ đồng; năm 2025 đạt 5.120 tỷ đồng và năm 2030 đạt 10.310 tỷ đồng.

+ Theo giá so sánh 2010: năm 2020 đạt 1.802 tỷ đồng; năm 2025 đạt 3.050 tỷ đồng và năm 2030 đạt 5.495 tỷ đồng.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2020 ước đạt 4.700 tỷ đồng, năm 2025 đạt 7.200 tỷ đồng và năm 2030 đạt khoảng 11.500 tỷ đồng.

- Đến năm 2020, giá trị sản xuất nông nghiệp trên 01 ha đất canh tác đạt khoảng 85-90 triệu đồng, đến năm 2025 là 100 - 110 triệu đồng và đến năm 2030 trên 120 triệu đồng.

- Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn năm 2020 đạt 445 tỷ đồng, năm 2025 đạt 800 tỷ đồng và 2030 đạt 1.600 tỷ đồng.

- Dân số đến năm 2020 ước đạt 122.578 người, năm 2025 đạt 123.100 người và đạt 125.400 người vào năm 2030.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đạt 43,5% vào năm 2020, 60% năm 2025 và trên 75% vào năm 2030.

- Phân đầu giảm nghèo một cách bền vững, bình quân mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo giảm 3%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt 98,36%, năm 2025 đạt 99% và năm 2030 đạt trên 100%.

- Phân đầu đạt tỷ lệ khoảng 14,68 giường bệnh/10.000 dân vào năm 2020, 16,26 giường bệnh/10.000 dân vào năm 2025 và 17,8 giường/10.000 dân vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 9% vào năm 2020, dưới 6,5% vào năm 2025 và dưới 4% vào năm 2030.

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ sống đến năm 2020 là 12‰, năm 2025 còn 11,5‰ và đến năm 2030 là 11‰.

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ sống từ năm 2020 đến 2030 là 2‰.

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt 100% vào năm 2020.

- Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc trung học cơ sở đạt 79% vào năm 2020, 90% vào năm 2025 và trên 95% vào năm 2030.

- Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc THPT và tương đương năm 2020 đạt 50%, năm 2025 đạt 70% và năm 2030 đạt trên 85%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100% vào năm 2020.

- Phân đầu đến năm 2020, 04 xã đạt nông thôn mới (duy trì 01 xã đạt và tăng 03 xã gồm: Thới Sơn, Tân Lợi, và Nhơn Hưng); 02 xã đạt từ 15-18 tiêu chí; 04 xã đạt từ 10-14 tiêu chí. Đến năm 2025, có 07 xã đạt nông thôn mới, 04 xã đạt từ 15-18 tiêu chí. Đến năm 2030, 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

3.1. Ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp

Tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng thâm canh để tăng năng suất, hạ giá thành, tăng giá trị nông sản; từng bước chuyển đổi giống cây trồng đáp ứng yêu cầu thị trường, chủ yếu là thị trường tại chỗ phục vụ du lịch như gạo đặc sản, rau màu, hoa quả... chuyển một phần vườn tạp kém hiệu quả sang mô hình vườn sinh thái phục vụ du lịch.

Phát triển vùng sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn, giai đoạn 2016-2020, triển khai sản xuất lúa trên địa bàn theo mô hình cánh đồng lớn, với quy mô khoảng 4.400 ha (tập trung tại các xã Tân Lập, An Nông, An Hảo, Núi Voi). Giai đoạn 2020-2030, tiếp tục mở rộng diện tích cánh đồng lớn trên địa bàn huyện.

Phát triển vùng sản xuất lúa đặc sản/lúa Nàng Nhen. Trên cơ sở các vùng sản xuất lúa Nàng Nhen của huyện trong thời gian qua, tiếp tục duy trì hoạt động và nâng lên một bước mới sản xuất theo hướng hữu cơ đảm bảo gạo đặc sản sạch. Phân đầu giai đoạn 2016-2020, phát triển 160 ha (tập trung ở các xã: An Hảo - 100 ha, Văn Giáo - 30 ha và thị trấn Tịnh Biên - 30 ha). Định hướng đến năm 2030, Tịnh Biên phát triển khoảng 200 ha trong đó, An Hảo - 140 ha, Văn Giáo - 30 ha và thị trấn Tịnh Biên - 30 ha).

Xây dựng khu rừng trà Trà Sư vừa là trung tâm bảo tồn, nghiên cứu nguồn gen động thực vật rừng vừa là nơi tham quan du lịch sinh thái. Hạn chế việc người dân tự ý chuyển đất rừng sang mục đích khác không theo quy hoạch. Chú trọng đến việc phát triển các cây có giá trị kinh tế, tiếp tục triển khai thực

hiện chương trình trồng cây lâm nghiệp phân tán, thực hiện trồng cây phân tán ven các tuyến đê bảo vệ vùng sản xuất nông nghiệp, tuyến lộ nông thôn, công sở, bệnh viện, trường học...và triển khai trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

Trong thời gian tới tiếp tục phát triển thủy sản bằng cách tận dụng diện tích mặt nước ao đìa, mương vườn để nuôi trồng thủy sản, hạn chế việc khai thác thủy sản trên các tuyến kênh, mương. Đồng thời, phát triển nuôi trồng thủy sản trên chân ruộng vào mùa lũ theo mô hình lúa và cá ở những nơi có điều kiện thích hợp đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương. Dự kiến đến năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản các loại khoảng 20 ha (tăng khoảng 10 ha so với năm 2010), sản lượng khoảng 3.700 tấn, năm 2025 đạt 25 ha, sản lượng khoảng 3.925 tấn.

3.2. Ngành Công nghiệp - Xây dựng

a) Công nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng tỉ trọng các ngành áp dụng công nghệ cao phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh; tập trung đầu tư áp dụng công nghệ cao vào một số ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn đã được xác định như: dược liệu, và rau quả chế biến xuất khẩu.

- *Về ngành cơ khí*: phát triển các cơ sở cơ khí ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa tại chỗ. Tập trung phục vụ cho các ngành mà huyện có thế mạnh như: trồng trọt, công nghiệp chế biến.

- *Công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng*: khai thác tài nguyên khoáng sản gắn chặt với việc bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan du lịch. Nâng cao chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

- *Về công nghiệp sản xuất và phân phối điện - nước*: Đảm bảo cung cấp điện, nước đầy đủ, ổn định, an toàn phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân; đặc biệt là nguồn điện phục vụ cho hoạt động du lịch tại khu vực Núi Cấm và nguồn điện cho các khu, cụm công nghiệp hoạt động ổn định.

- *Về công nghiệp sản xuất gia công hàng may mặc*: khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở thêu, dệt xuất khẩu phát triển thu hút nhiều lao động, kết hợp với công tác dạy nghề cho các lao động, đặc biệt là lao động nữ ở các vùng nông thôn, vùng người dân tộc, từng bước mở rộng thị trường, tăng quy mô sản xuất nhằm phục vụ tốt cho hoạt động du lịch và xuất khẩu.

- *Về ngành chế biến lương thực, thực phẩm, dược liệu*: Kêu gọi các doanh nghiệp đổi mới thiết bị công nghệ nhằm nâng cao giá trị hàng hoá, khuyến khích các hộ sản xuất kinh doanh đầu tư đa dạng hóa các sản phẩm chế biến để đáp ứng nhu cầu với chất lượng ngày càng cao phục vụ nhu cầu xuất khẩu. Kêu gọi

đầu tư vào các dự án: dự án sản xuất rượu vang Thốt nốt; nhà máy chế biến nông sản, lúa gạo quy mô 10.000 tấn/năm; nhà máy chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp quy mô 20.000 tấn sản phẩm/năm (các sản phẩm chủ lực là măng Núi Cấm, nông sản Núi Cấm như: su su, bơ, dâu...).

Về các làng nghề truyền thống: Tập trung phát triển các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp và nông nghiệp trong và ngoài khu kinh tế cửa khẩu, việc khai thác có hiệu quả nguồn nguyên liệu địa phương, phát triển và quảng bá cho sản phẩm đặc sản của địa phương như: gạo đặc sản Nàng Nhen, đường thốt nốt, tranh lá thốt nốt, dệt thổ cẩm Văn Giáo ..., tạo ra chuỗi giá trị: du lịch – thương mại - dịch vụ - văn hóa. Từng bước đăng ký thương hiệu độc quyền cho các sản phẩm đặc trưng.

- *Về các khu, cụm công nghiệp:* Mở rộng khu công nghiệp Xuân Tô lên 140 ha và giữ nguyên diện tích (cụm công nghiệp An Phú 20 ha, cụm công nghiệp An Nông 35 ha, tập trung thu hút đầu tư lấp đầy cụm công nghiệp An Cư 28 ha). Từng bước kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm đạt 40%, đến 2025 khoảng 70%.

b) Xây dựng

Huy động mọi nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và các hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung phát triển khu vực đô thị trung tâm, trục Quốc lộ 91, Tỉnh lộ 948, khu du lịch Núi Cấm và triển khai thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm về: giao thông, kinh tế biên giới, du lịch tạo nền tảng để nâng huyện lên thị xã trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020, huyện Tịnh Biên trở thành Thị xã Tịnh Biên với quy mô là đô thị loại IV với 14 đơn vị hành chính cấp xã (trong đó có 7 phường là: Tịnh Biên, An Phú, Nhà Bàng, Thới Sơn, Văn Giáo, Vĩnh Trung và Chi Lăng).

3.3. Ngành thương mại - dịch vụ

a) Thương mại

Đẩy mạnh phát triển kinh tế biên giới, phát huy vai trò đầu mối giao thương, xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ, xúc tiến thương mại, đầu tư, hội chợ triển lãm, phát triển các hoạt động dịch vụ, chủ yếu là dịch vụ vận tải, kho bãi, thanh toán tiền tệ, ngoại hối, dịch vụ lưu trú, ăn uống, các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa thể thao, nhất là địa bàn thị trấn Tịnh Biên.

Phát triển kinh tế cửa khẩu được xác định là một trong những điểm tập trung quan trọng trong việc phát huy lợi thế và tiềm năng vào phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện Tịnh Biên cũng như của tỉnh An Giang trong thời gian tới.

Phấn đấu đến năm 2020: hoàn thành chuyển đổi 50% số chợ trên địa bàn tỉnh sang mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh, khai thác và quản lý chợ; hoàn thành chuyển đổi 70% số chợ do UBND cấp xã quản lý trực tiếp hoặc

do Tổ quản lý, cá nhân quản lý chợ sang hình thức Ban quản lý chợ hoạt động theo hình thức đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên, có thể quản lý một hoặc một số chợ trên địa bàn.

b) Phát triển các ngành dịch vụ

** Dịch vụ du lịch*

Phát triển du lịch dựa trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng về du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh gắn với phát triển khu kinh tế cửa khẩu; kết nối với các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh - sang Campuchia. Trong thời gian tới tiếp tục chỉnh trang và phát triển đô thị gắn liền với phát triển thương mại và dịch vụ; tiếp tục chấn chỉnh và sắp xếp chợ Tịnh Biên, kết nối các điểm khu du lịch, các điểm du lịch trên địa bàn, quản lý Khu du lịch núi Cấm một cách thân thiện hấp dẫn du khách và an toàn thực phẩm, phải làm tốt hơn nữa để thu hút và tạo uy tín với du khách.

Đến năm 2020, dự kiến ngành du lịch huyện Tịnh Biên đón 3,5 triệu lượt khách trong nước và quốc tế với doanh thu khoảng 1.000 tỷ đồng; đến năm 2025 dự kiến có 4,5 triệu lượt khách với doanh thu khoảng 1.300 tỷ.

** Phát triển dịch vụ vận tải*

Phát triển dịch vụ vận tải trên địa bàn huyện đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội chung, góp phần lưu thông hàng hoá cũng như tạo sự di chuyển của thuận lợi cho hành khách liên vùng, liên tỉnh. Kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đường bộ và đường thủy cần được tăng cường đầu tư nâng cấp và mở rộng.

Bến xe Tịnh Biên: di chuyển bến hiện hữu ra gần ranh thị trấn Tịnh Biên - xã An Phú. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn bến loại 3 với diện tích 2,6 ha; Bến xe Chi Lăng: đến năm 2020 đạt tiêu chuẩn bến xe loại 4.

Đến năm 2020, trên địa bàn huyện có các tuyến xe buýt sau: Tuyến số 5 (Thành phố Châu Đốc - Tịnh Biên - thị trấn Ba Chúc): Dài 49 km (kéo dài 15 km). Lý trình: Bến xe Châu Đốc- QL.91-thị trấn Tịnh Biên (Tịnh Biên) - QL.N1 - thị trấn Ba Chúc (Tri Tôn); Tuyến 17 (Thành phố Châu Đốc - Tri Tôn): Dài 39,6 km, lý trình: Bến xe Châu Đốc - QL.91 - ĐT.948 - Tri Tôn (bến buýt dự kiến). Giai đoạn sau năm 2020: mở mới Tuyến số 23 (Thành phố Châu Đốc - Tịnh Biên): Dài 26,5 km. Lý trình: Bến xe Châu Đốc - đường nội đô thành phố Châu Đốc - ĐT.955A (hiện trạng) - Bến xe Tịnh Biên.

** Phát triển dịch vụ tài chính ngân hàng*

Mở rộng các hình thức và nâng cao chất lượng hoạt động tài chính, tín dụng theo hướng kinh doanh tiền tệ, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn.

Đơn giản hơn các thủ tục hành chính nhằm giảm bớt phiền hà cho khách hàng, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận với nguồn vốn; nâng cao chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động ngân hàng.

3.4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

Định hướng Giao thông vận tải phải dựa trên nền tảng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang và Quy hoạch phát triển giao thông vận tải của vùng. Đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong mọi tình huống, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo đảm môi sinh và môi trường bền vững.

Nhằm kết nối với hệ thống giao thông quốc gia và liên kết với hệ thống giao thông các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các địa phương khác trong tỉnh An Giang. Trên cơ sở phát huy nội lực, huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, đồng thời thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển hạ tầng giao thông của huyện. Tăng cường công tác cải cách cơ chế chính sách, xúc tiến kêu gọi đầu tư để thu hút các đơn vị, tổ chức đầu tư phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn.

3.5. Phát triển giáo dục đào tạo

Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất đạt 29,41% (20/68 đơn vị); đến năm 2025 đạt 51,47% (35/68 đơn vị).

Đảm bảo đủ trường, lớp cho bậc học mầm non để đến năm 2020: tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100% ; số trẻ em đi học trong độ tuổi nhà trẻ đạt 300 em, từ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo đạt trên 90%; 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đạt 70%. Đến năm 2025, phấn đấu số trẻ em đi học trong độ tuổi nhà trẻ đạt 380 em, tỷ lệ trẻ từ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo đạt trên 96%; tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đạt trên 85%.

Đến năm 2020, tỷ lệ phòng học kiên cố là 100%, có đủ phòng học đảm bảo 100% số học sinh được học tập và hoạt động cả ngày ở trường; 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đạt 100%. Đảm bảo 100% học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6; trên 80% học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT, bổ túc THPT, TCCN và trung cấp nghề; tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đạt 79% và khoảng 90% vào năm 2025. Đảm bảo 100% số trường THPT có đủ các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học và có 100% trường đạt chuẩn Quốc gia. Phát triển giáo dục ở mức trên chuẩn, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được chuẩn hóa theo hướng hiện đại.

Ưu tiên khuyến khích các cơ sở đào tạo những ngành nghề truyền thống tại các làng nghề trên địa bàn huyện Tịnh Biên, các ngành nghề phục vụ cho du lịch, thương mại, dịch vụ... Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên về khả năng ngoại ngữ (tiếng Khmer và tiếng Anh). Tận dụng kinh phí quốc gia về hỗ trợ quan hệ hợp tác với Campuchia.

3.6. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật, nâng cao thể lực, chất lượng sống và tăng tuổi thọ.

Đến năm 2020 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 9%, đến năm 2025 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 6,5%. Phấn đấu tăng giường bệnh công lập lên khoảng 14,68 giường/1 vạn dân vào năm 2020 và đến năm 2025 đạt khoảng 16,26 giường/1 vạn dân. Tỷ lệ bác sĩ /1 vạn dân đạt 5,3 bác sĩ /1 vạn dân vào năm 2020 và 6,5 bác sĩ/1 vạn dân năm 2025. Phấn đấu đến năm 2020 có 90% người dân tham gia bảo hiểm y tế và đến năm 2025 đạt khoảng 95%.

Duy trì hoạt động đông y tại huyện một cách hiệu quả, ổn định, tăng cường kêu gọi phát triển nguồn nhân lực y học cổ truyền để tạo thế mạnh riêng phục vụ cho loại hình dịch vụ khám chữa bệnh tại Tịnh Biên.

3.7. Phát triển văn hóa - thể dục thể thao

Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa phát triển văn hoá và phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hoá lành mạnh trong xã hội. Bảo tồn, khai thác, phát huy có hiệu quả văn hoá vật thể và phi vật thể trên địa bàn

Đẩy mạnh hiệu quả hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, đơn vị văn hoá gắn với thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới. Tăng cường quan hệ, giao lưu với địa phương bên nước bạn Campuchia, nhất là trong các dịp lễ hội (truyền thống, đua bò, đua xuồng mùa nước nổi, Tết Nguyên Đán hằng năm).

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thể thao quần chúng, nâng cao hiệu quả phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ". Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cho văn hóa, thể dục thể thao; phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tương xứng với vị trí, tiềm năng, tốc độ và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

3.8. Khoa học - công nghệ

Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao ứng dụng công nghệ tại các doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, hỗ trợ và bảo trợ cho hoạt động khoa học và công nghệ. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ, năng động, dễ dàng tiếp cận được và ứng dụng các mô hình quản lý khoa học - công nghệ tiên tiến vào thực tế ở huyện thông qua các chương trình đào tạo ngắn hạn trong nước và nước ngoài, nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học - công nghệ của huyện.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, tập trung vào các sản phẩm chủ lực của huyện, như: cây dược liệu, các loại cây ăn quả trồng trên vùng đất cao, rượu vang thốt nốt, rượu hồng quân, tinh dầu trái chúc... Từng bước đăng ký chỉ dẫn địa lý, bảo hộ thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng này của huyện. Phát huy, sở hữu tài sản trí tuệ làm nền tảng cho việc gắn sản xuất kết hợp tham quan du lịch và hình thành nhiều sản phẩm đặc thù, đặc sản để phục vụ và thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn và du lịch, trong đó việc phát huy giá trị các địa danh để phát triển thương hiệu cho sản phẩm du lịch.

3.9. Lao động, việc làm và vấn đề xóa đói giảm nghèo

Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác giảm nghèo, để người dân có ý thức vươn lên, không trông chờ ỷ lại vào sự trợ giúp của xã hội và Nhà nước nhằm hạn chế hộ nghèo phát sinh; tăng cường hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho người nghèo, cận nghèo có nhu cầu sản xuất kinh doanh, cho vay làm nhà ở, sử dụng điện, nước sạch...

Tăng cường biện pháp hỗ trợ an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục thực hiện và triển khai đồng bộ nhóm giải pháp đảm bảo an sinh xã hội theo Nghị quyết 30/2008/NQ của Chính phủ. Thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chính sách về bảo trợ xã hội. Theo dõi, nắm vững tình hình đời sống nhân dân, thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt quan tâm đối với các đối tượng bảo trợ xã hội

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tư vấn cho nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về quyền bình đẳng giới, công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho trẻ em từ các chương trình, dự án; tiếp tục xây dựng các tiêu chí xây dựng xã, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3.10. Bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là Chiến lược của phát triển bền vững, đầu tư cho bảo vệ môi trường phòng chống thiên tai là đầu tư phát triển, là nhiệm vụ của toàn xã hội; phương châm là lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính, kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và cải thiện môi trường.

Quản lý tốt quy hoạch, kế hoạch và khai thác sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên nhất là đất đai, nguồn nước ngầm, tài nguyên rừng... đảm bảo phát triển bền vững. Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, ứng cứu kịp thời các sự cố môi trường. Tăng cường đầu tư phát triển cho việc bảo vệ môi trường, kết hợp xử lý ô nhiễm trên địa bàn.

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

Ngân sách nhà nước được bố trí ưu tiên cho phát triển giáo dục phổ cập ở các bậc học từ tiểu học đến trung học cơ sở và các Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao trực tiếp phục vụ khu vực công, phát triển kết cấu hạ tầng và các dịch vụ xã hội. Nguồn vốn ngân sách cho phát triển hạ tầng phải được sử dụng bố trí tập trung cho các công trình trọng điểm, giải quyết nhu cầu đầu tư đối với các dự án công trình ít mang lại lợi ích kinh tế tài chính trực tiếp (kém hấp dẫn đối với khu vực tư) trên nguyên tắc của kế hoạch đầu tư trung hạn.

Triển khai thực hiện tốt Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư... để thuận lợi doanh nghiệp gia nhập thị trường, đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh; đẩy nhanh tốc độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước với các hình thức thích hợp để tạo ra được một đội ngũ các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, từng bước cơ giới hóa để giảm bớt thời gian lao động nông nghiệp, mở rộng các ngành nghề, phát triển sản xuất kinh doanh.

Rà soát lại các hạng mục thu hút đầu tư với những ngành nghề, sản phẩm đang có sức cạnh tranh trên thị trường, phù hợp với nhu cầu của tỉnh với các mức khuyến khích đầu tư hấp dẫn. Trong đó, đặc biệt dành ưu tiên cho các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề mà huyện có lợi thế so sánh như: các dự án về phát triển các du lịch, khu vui chơi giải trí; các dự án nuôi trồng thủy sản và lúa chất lượng cao...

4.2. Nhóm giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế

Chủ động đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính và quy chế dân chủ trong quản lý hành chính của nhà nước trên địa bàn, nâng cao trách nhiệm, năng lực quản lý điều hành của bộ máy tổ chức của huyện. Đào tạo nâng cao năng lực, cả về nhận thức, tư tưởng và năng lực công tác cho cán bộ các cấp; Cải cách bộ máy hành chính các cấp, bố trí và sắp xếp cán bộ một cách hợp lý, đúng người, đúng việc.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý hành chính, phát triển Trang thông tin điện tử của huyện gắn cải cách thủ tục hành chính, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cơ quan quản lý của nhà nước.

Cải cách hành chính trên địa bàn cần phải có sự phối hợp chặt chẽ với tỉnh và Trung ương, nhằm sớm ổn định và hình thành bộ máy hành chính gọn nhẹ có đủ năng lực, tạo được lòng tin trong nhân dân, tạo ra môi trường tốt để đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển.

4.3. Nhóm giải pháp khoa học và công nghệ

Các giải pháp phát triển khoa học và công nghệ được thực hiện tổng thể từ việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, phát triển

thị trường công nghệ, chú trọng hợp tác quốc tế, cùng với các giải pháp về vốn đầu tư, về nguồn nhân lực tạo ra nhóm giải pháp cơ bản nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực vào thực hiện quy hoạch kinh tế xã hội của huyện.

Đẩy mạnh việc áp dụng và phát triển công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ tin học trong mọi lĩnh vực. Từng bước đưa công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý, kể cả quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Trước mắt, cần dành phần đầu tư nhất định cho việc trang bị hệ thống máy vi tính và đào tạo nhân viên máy tính cho các bộ phận quản lý dữ liệu thông tin kinh tế - xã hội, các bộ phận đầu não quản lý của huyện.

Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ, đặc biệt đối với các lĩnh vực nghiên cứu triển khai. Từng bước hình thành các tổ chức khoa học và công nghệ cấp huyện trên cơ sở sáp nhập các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư nhằm chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

4.4. Nhóm giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút và sử dụng nhân lực

Tham gia tổ chức các sự kiện như sàn giao dịch việc làm để kết cung - cầu lao động, qua đó tìm kiếm, thu hút nhân tài. Đưa thông tin về các ứng viên nhân tài đã gặp gỡ tại các sự kiện này vào danh mục địa chỉ email, duy trì liên lạc thường xuyên với những đối tượng quan tâm.

Thực hiện chương trình khuyến khích các nhân tài của huyện Tịnh Biên hiện đang sinh sống ở nơi khác quay trở về làm việc ở quê nhà. Huyện có thể tiếp cận những đối tượng này bằng cách thông qua các chương trình truyền thông, kết nối thông tin.

Có cơ chế khuyến khích cho những ngành đang gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân viên mới như hỗ trợ một phần lương trả nhân viên mới trong một vài tháng đầu. Huyện có cơ chế khuyến khích hình thức đào tạo tại nơi làm việc khi đàm phán với các công ty mới thành lập hoặc đang mở rộng để đảm bảo tuyển lao động mới một cách thuận lợi.

4.5. Giải pháp phát triển doanh nghiệp

Cải thiện môi trường đầu tư, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Tập trung tháo gỡ những rào cản, vấn đề bức xúc của doanh nghiệp, nhất là đất đai, vốn, đào tạo nghề, thủ tục hành chính... Nghiên cứu xây dựng đề án cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, tiếp cận với nguồn vốn, và các dịch vụ tài chính, dịch vụ công khác... Tổ chức tốt công tác thông tin doanh

ng nghiệp, thông tin kinh tế xã hội nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận thông tin một cách dễ dàng đảm bảo nắm bắt, tiếp cận thị trường một cách nhanh nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp.

Thực hiện Chương trình hành động số 377/CTr-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 vào giải pháp phát triển doanh nghiệp. Nghiên cứu, đề xuất áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút nhà đầu tư như: mức hỗ trợ về thuế thu nhập doanh nghiệp, phí sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo lao động cho doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn, hỗ trợ về tăng cường năng lực khoa học và công nghệ và hỗ trợ trong việc hình thành liên kết doanh nghiệp

4.6. Giải pháp bảo đảm an ninh xã hội gắn với phát triển kinh tế

Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, xem đó là nhân tố để phát triển kinh tế - xã hội, chủ động ngăn chặn, đập tan mọi hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, gây rối ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương. Tăng cường nền quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, đảm bảo phòng thủ cơ bản trên địa bàn huyện.

Đảm bảo xây dựng tuyến tuần tra biên giới vững chắc, an toàn và có trình độ cao, ngăn chặn tốt các loại hình hoạt động phi pháp xuyên biên giới và các tổ chức hoạt động chống phá có tính chất quốc tế và toàn cầu.

4.7. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện Quy hoạch

Sau khi được phê duyệt, UBND huyện trực tiếp chỉ đạo việc triển khai thực hiện quy hoạch, như: Tổ chức công bố quy hoạch để phổ biến rộng rãi trong toàn dân, các cấp, các ngành, các nhà đầu tư tham gia thực hiện quy hoạch có hiệu quả; thực hiện lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Quy hoạch vào kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm, các chương trình, các dự án phát triển trên địa bàn trong từng thời kỳ; chỉ đạo các ngành liên quan xây dựng các kế hoạch thực hiện, trong đó thể hiện cụ thể các nhiệm vụ và giải pháp lớn để thực hiện trong từng giai đoạn. Đồng thời, huyện sẽ rà soát những nhiệm vụ trong Quy hoạch ngoài thẩm quyền của mình, để tổng hợp, kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành liên quan của tỉnh thực hiện hoặc hỗ trợ huyện.

5. Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư: (Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quy hoạch này là định hướng, cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Tịnh Biên theo quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quyết định này, chủ

trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan chỉ đạo các bộ phận chuyên môn lập và trình duyệt các chương trình, dự án và triển khai thực hiện theo quy định:

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành một số chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện và pháp luật của nhà nước trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

- Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung hoặc từng bước đầu tư theo hướng ưu tiên hợp lý.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện và của tỉnh trong từng giai đoạn Quy hoạch.

Điều 4. Các Sở, Ban ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hỗ trợ huyện Tịnh Biên nghiên cứu lập các kế hoạch, chương trình, dự án nói trên và hỗ trợ huyện tìm và bố trí các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện Quy hoạch; huyện Tịnh Biên phối hợp các Sở, ban ngành nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành một số chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện đã được quyết định đầu tư.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu HCTC, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nung

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ
2016 - 2030 CỦA HUYỆN TỈNH BIÊN
(Kèm theo Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
I	Lĩnh vực công nghiệp
1	Cụm CN An Cư
2	Cụm CN An Nông
II	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản
1	Trạm Thú y - khuyến nông - bảo vệ thực vật huyện Tịnh Biên
2	Hệ thống nội đồng kênh cấp II Trạm bơm 3/2 (từ N2 - N10)
III	Lĩnh vực Giao thông vận tải
1	Nâng cấp đường Bà Mướp (HL6) giai đoạn 3 (Đoạn từ Km2+618 đến Km3+914)
2	Đường chính và cống thoát lũ núi Khu vực Cửu Trùng đài
3	Đường B20 Chi Lăng
4	Lát gạch vỉa hè đường Hương lộ 11 xã Núi Voi
5	Láng nhựa đường Đông Trà Sư
6	Bê tông đường hậu N1
7	Đường giao thông nội bộ bờ Nam Hồ nước (GD 1)
8	Bê tông chống xói lở phía hạ lưu cống thoát lũ núi và kè đá, vỉa hè hồ trữ nước
9	Xây dựng nền đường Xuân Hiệp - Xuân Phú
10	Lát gạch vỉa hè Quốc lộ 91 (Đoạn từ Huyện Đội đến Văn phòng Huyện ủy)
11	Đường Đình Thới Sơn
12	Đường Sơn Tây 2
13	Đường giao thông nội bộ bờ Nam Hồ nước (GD 2)
14	Láng nhựa đường LaTiNa
15	Láng nhựa đường Đông Phú Cường
16	Đường Vành Đai (cua 15 - Gò cây sung)
17	Đường từ chợ phiên bờ Tà Ngáo - HL9
18	Xây dựng đường từ cua 15 (QL91) đến KDC Xóm Mới
19	Nâng cấp mở rộng TL 948
20	Duy tu sửa chữa cầu Phước Điền
21	Gia cố đường Tây Trà Sư

TT	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
22	Đường Liên xã Núi Voi - Vĩnh Trung - Chi Lăng
23	Lát gạch vỉa hè đường Hữu Nghị
24	Duy tu sửa chữa cầu Đường Trâu
25	Nâng cấp sửa chữa đường Xáng Cụt
26	Lát gạch vỉa hè đường Nguyễn Đình Chiểu
27	Lát gạch vỉa hè đường Châu Thị Tế
IV	Lĩnh vực Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Tĩnh Biên
V	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ
1	Mua sắm trang thiết bị hiện đại cho các Ban ngành huyện và các xã, TT
2	Đầu tư triển khai phần mềm một cửa điện tử cấp xã, thị trấn
VI	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo
1	Mẫu giáo An Cư (điểm A1)
2	Mẫu giáo An Cư (điểm A2)
3	Mẫu giáo Chi Lăng (điểm chính)
4	Mẫu giáo An Hào điểm phụ (điểm chính TH "D" An Hào)
5	Mẫu giáo Văn Giáo (điểm chính mới)
6	Mẫu giáo An Hào (điểm phụ Núi Cấm)
7	Mẫu giáo An Hào (điểm phụ An Đông)
8	Mẫu giáo Hướng Dương (điểm chính)
9	Mẫu giáo Chi Lăng (điểm chính)
10	Mầm non Tuổi Ngọc (điểm chính)
11	Mầm non Hoa Lan (điểm chính mới)
12	Mẫu giáo Họa Mi (điểm chính)
13	THCS Lê Văn Duyệt (Hạng mục: mở rộng hàng rào, sân trường)
14	Mẫu giáo Thới Sơn (điểm chính)
15	Tiểu học "A" Thới Sơn (điểm chính)
16	THCS Đoàn Minh Huyền
17	Mẫu giáo Tân Lợi (điểm chính mới)
18	Mẫu giáo Tân Lợi (điểm phụ)
19	Mầm non Hoa Mai (điểm chính mới)
20	Mầm non Hoa Mai (điểm phụ)
21	Tiểu học "B" Tân Lợi (điểm chính)

TT	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
22	Tiểu học "B" Tân Lợi (điểm phụ 1)
23	Tiểu học "B" Tân Lợi (điểm phụ 2)
24	THCS Phan Chu Trinh
25	Mầm non Nhơn Hưng (Đc Sóc Hào Sến)
26	Mầm non Nhơn Hưng (Đp Trung Bắc Hưng)
27	Mầm non Nhơn Hưng (Đp Tây Hưng)
28	Tiểu học "A" Nhơn Hưng (Đp Tây Hưng)
29	Tiểu học "A" Nhơn Hưng (Đc Tây Hưng)
30	THCS Nguyễn Sinh Sắc
31	Mẫu giáo An Cư (bồi hoàn GPMB)
32	Nhà kho Phòng Giáo dục - Đào tạo
33	Mầm non Hoa Hồng
34	Mẫu giáo An Nông
35	Tiểu học Văn Giáo
36	THCS Lê Hồng Phong
VII	Lĩnh vực Xã hội (chợ - Dân cư)
1	Khu dân cư dưới chân Núi Cẩm
2	Khu dân cư Nam đường dẫn cầu Vĩnh Tế
3	Khu dân cư cầu Đinh 2
4	Tuyến dân cư Xóm Mới (GD 2)
5	Tuyến dân cư Tây Trà Sư - Núi Voi
6	Khu tái định cư Núi cẩm
7	Khu dân cư chợ Đường Sứ
VIII	Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin - Thể thao
1	Rào bảo vệ khu vực Cừ Trùng Đài - Trung tâm Văn Hóa
2	Công viên khu vực 03 tháp Cừ Trùng Đài
3	Điểm sinh hoạt văn hoá, thể thao xã Thới Sơn
4	Nâng cấp, cải tạo sân đua bò huyện Tịnh Biên
5	Trung tâm văn hoá và học tập cộng đồng xã Tân Lợi
6	Trung tâm văn hoá và học tập cộng đồng xã Nhơn Hưng
7	Trụ sở Trung tâm Văn Hóa
8	Xây dựng hệ thống điện, nước và cây xanh Nam Hồ nước (GD 2)
9	Nhà truyền thống

TT	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
10	Công chào huyện Tịnh Biên
IX	Lĩnh vực Quản lý nhà nước
1	Trụ sở UBND xã An Phú
2	Trụ sở UBND xã Thới Sơn
3	Văn phòng khóm Xuân Hiệp
4	Văn phòng ấp Phú Hòa
5	Văn phòng ấp Tân Hiệp
6	Văn phòng ấp Tân Long
7	Văn phòng ấp Vĩnh Đông
8	Văn phòng ấp Tà Lọt
9	Văn phòng ấp Thới Thuận
10	Văn phòng ấp Tân Thành
11	Văn phòng ấp Tân Biên
12	Văn phòng ấp Vĩnh Tây
13	Văn phòng ấp An Lợi
14	Văn phòng ấp Tân Định
15	Văn phòng ấp Tân An
16	Văn phòng khóm Sơn Đông
17	Nâng cấp, sửa chữa UBND xã An Hào
18	Trụ sở BQL dự án ĐT&XD
X	Lĩnh vực Quốc phòng
1	Trụ sở xã đội Nhà Bàng
2	Trụ sở xã đội Nhơn Hưng
3	Trụ sở xã đội Thới Sơn
4	Trụ sở xã đội Tân Lợi
5	Trụ sở xã đội Tân Lập
6	Trụ sở xã đội An Phú
7	Trụ sở xã đội An Hào
8	Trụ sở xã đội Văn Giáo
9	Trụ sở xã đội Vĩnh Trung
XI	Lĩnh vực An ninh
1	Công An xã An Cư
2	Công An TT Nhà Bàng

TT	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
3	Công an xã An Nông
4	Công An xã Tân Lập
5	Công an thị trấn Tịnh Biên

* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2016 - 2030 CỦA
HUYỆN TỈNH BIÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN MỜI GỌI ĐẦU TƯ
I	KHU KINH TẾ CỬA KHẨU
1	Khu mở rộng thương mại dịch vụ
2	Khu công Nghiệp Xuân Tô
3	NM cung cấp nước sạch, xử lý nước thải
II	KHU DU LỊCH NÚI CẨM
1	Khu trung tâm hành hương
2	Khu văn hóa dân gian + ẩm thực Núi Cẩm
3	Khu nghỉ dưỡng, vịnh cảnh vồ Bò Hồng
4	Khu dân cư, sắp xếp dân cư
5	Khu thuốc Nam + Hội nghị vồ Thiên Tuế
6	Khu vui chơi, giải trí (khu công viên trò chơi)
7	Khu bảo tồn sinh thái (vồ Bà, đỉnh Chư Thần)
8	Khu văn hóa các dân tộc (Hồ Tà Lọt)
9	Khu cáp treo và lâm viên Núi Cẩm
III	CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN
1	Khu đô thị mới Nam QL 91
2	KDC nam đường dẫn cầu Vĩnh Tế
3	Khu dân cư & Chợ Đường Sứ An Nông
4	KDC Cầu Đỉnh 2
5	Chợ An Hảo
6	Chợ An Phú
7	Trung tâm chẩn đoán Y khoa
8	DA sản xuất rượu vang thốt nốt
9	Trạm dừng chân Mường Tiền
10	Khu du lịch núi Trà Sư
11	Khu văn hóa Kỳ Lân Sơn
12	Khu du lịch núi Két
13	Khu du lịch sinh thái rừng tràm Trà Sư

TT	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN MỜI GỌI ĐẦU TƯ
14	Nhà máy chế biến nông sản, lúa gạo
15	Cụm công nghiệp An Phú
16	Cụm công nghiệp An Nông
17	Cụm công nghiệp An Cư
18	Đường vành đai
19	Đường liên xã Thới Sơn - Vĩnh Trung
20	Đường Liên xã Tân Lợi - An Hảo
21	Trồng và chế biến các sản phẩm từ dược liệu.
22	Đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.
23	Chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp
24	Các Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao
25	Thực hiện mô hình cánh đồng lớn
26	Đầu tư chăn nuôi tập trung an toàn sinh học
27	Đầu tư hệ thống kho chứa, nhà máy chế biến nông sản.
28	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại thị trấn Nhà Bàng
29	Xây dựng Siêu thị Nhà Bàng
30	Xây dựng Siêu thị Chi Lăng
31	Dự án nhà ở công nhân Khu công nghiệp Xuân Tô, cụm công nghiệp An Nông, cụm công nghiệp An cư, dự án nhà ở xã hội thị trấn Tịnh Biên, Cụm tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn 2
32	Dự án thăm dò cát xây dựng
33	Dự án thăm dò sét
34	Dự án Đường đua địa hình môn xe đạp
35	Dự án đầu tư hồ bơi Tịnh Biên
36	Sân Golf